

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/DS-ST

Ngày 28-02-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hòa

Ông Đoàn Văn Xây

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Dung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-DS ngày 19-01-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 06-02-2024; các Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2024/QĐ-TA ngày 02-02-2024, số 02/2024/QĐ-TA ngày 28-02-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Đồi C, xã Hoàng Đ, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 8, đường Lê L, khối 1, phường Vĩnh T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, Luật sư Công ty Luật TNHH Á Châu Việt; có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 3 đường Lê Hồng P, phường Tam T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 1, đường Lê Quý Đ, khối 7, phường Tam T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Chu Văn S; địa chỉ: Số 3, đường Lê Hồng P, phường Tam T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị H; địa chỉ: Thôn Kéo T, xã Hợp T, huyện Cao L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-9-2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16-10-2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết với nhau từ trước, ngày 19-6-2020 chị cho chị Trần Thị L vay 350.000.000 đồng, giấy vay nợ do chị lập, vợ chồng chị Trần Thị L đọc lại và cùng ký vào giấy vay nợ, chồng chị Trần Thị L ký với tư cách là người làm chứng. Nội dung của giấy vay nợ thỏa thuận chị Trần Thị L vay chị Hoàng Thị L 350.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày, kể từ ngày 19-6-2020, lãi suất vay theo thỏa thuận, thời điểm trả lãi vào ngày 19 hàng tháng, trả gốc ngày 19-9-2020. Cùng ngày 19-6-2020 chị giao đủ cho chị Trần Thị L 350.000.000 đồng tiền mặt tại nhà chị Trần Thị L.

Quá trình thanh toán nợ gốc, lãi của chị Trần Thị L như sau:

Về việc trả lãi: Từ ngày 19-6-2020 đến 19-10-2020 chị Trần Thị L thanh toán nợ lãi cho chị làm 04 lần, mỗi lần chị Trần Thị L thanh toán 7.350.000 đồng, có lần chị Trần Thị L đưa tiền mặt, có lần chị Trần Thị L chuyển khoản. Tổng số tiền lãi chị Trần Thị L đã trả chị là 29.400.000 đồng. Số tiền lãi được tính như sau: $700 \text{ đồng}/01 \text{ triệu}/01 \text{ ngày} \times 350.000.000 \text{ đồng}$. Lần cuối cùng chị Trần Thị L trả nợ lãi cho chị là vào ngày 19-10-2020.

Về việc trả nợ gốc, chị Trần Thị L đã thanh toán cho chị nợ gốc được 04 lần, cụ thể:

Lần thứ 01: Ngày 10-02-2021 chị Trần Thị L trả cho chị 50.000.000 đồng nợ gốc, thanh toán bằng tiền mặt;

Lần thứ 02: Ngày 07-5-2021 chị Trần Thị L trả tiếp cho chị 50.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản.

Lần thứ 03: Ngày 07-7-2021 chị Trần Thị L trả tiếp cho chị 50.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản.

Lần thứ 04: Ngày 10-12-2021 chị Trần Thị L trả tiếp cho chị 50.000.000 đồng, thanh toán bằng tiền mặt.

Các lần chị Trần Thị L trả nợ gốc và lãi cho chị, chị đều yêu cầu chị Trần Thị L ký xác nhận nhưng chị Trần Thị L đều không ký, chị Trần Thị L nói với chị rằng "mày khắc đi mà chót, khắc đi mà theo dõi". 04 lần chị Trần Thị L trả nợ gốc cho chị, cả chị và chị Trần Thị L đều không thỏa thuận rằng tiền trả đó là trả nợ gốc hay nợ lãi, mà chị tự xác định đó là trả nợ gốc rồi trừ nợ gốc đi cho chị Trần Thị L.

Lần cuối chị Trần Thị L trả nợ cho chị là ngày 10-12-2021 (trả nợ gốc). Sau đó chị yêu cầu chị Trần Thị L trả nợ cho chị nhiều lần nhưng chị Trần Thị L

đều không trả. Chị cũng yêu cầu chị Trần Thị L chốt nợ số tiền chị Trần Thị L còn nợ chị nhưng chị Trần Thị L cũng không chốt.

Đến thời điểm hiện tại, giữa chị và chị Trần Thị L vẫn chưa chốt nợ với nhau. Ngoài giấy vay tiền ngày 19-6-2020 giữa chị và chị Trần Thị L không có bất kỳ giấy tờ gì thể hiện việc thanh toán nợ gốc, lãi.

Thời điểm chị Trần Thị L vay tiền chị, chị Trần Thị L nói mục đích chị Trần Thị L vay là để cho người khác vay lại, còn cho ai vay thì chị không quan tâm. Chị không biết công ty Phú L Phú T là công ty nào, có quan hệ gì với chị Trần Thị L hay không. Chị cũng không biết chị Trần Thị L có cho công ty đó vay tiền hay không. Chị không hề chuyển tiền cho người của công ty Phú L Phú T.

Đến nay chị xác định chị Trần Thị L còn nợ chị 150.000.000 đồng nợ gốc; nợ lãi tính từ ngày 20-10-2020 đến hết ngày xét xử sơ thẩm 28-02-2024, lãi suất là 10%/năm, lãi suất được tính trên số tiền gốc còn lại theo từng thời kỳ.

Về việc chuyển giao nghĩa vụ, theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự thì bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ. Tại phiên đối chất ngày 29-12-2023 chị Trần Thị L cho rằng, do chị Hoàng Thị H (là họ hàng với chị) có vay tiền của chị L nên chị Trần Thị L yêu cầu chị Hoàng Thị H trả nợ cho chị thay chị Trần Thị L. Chị không đồng ý với ý kiến trên của chị Trần Thị L. Lý do, chị Trần Thị L nợ tiền chị thì chị Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả tiền cho chị, còn chị Hoàng Thị H không liên quan gì đến việc vay tiền giữa chị và chị Trần Thị L. Việc vay tiền giữa chị Hoàng Thị H và chị Trần Thị L chị cũng không tham gia, không có liên quan. Chị không hề đứng ra bảo lãnh cho khoản vay của chị Hoàng Thị H như phần trình bày của chị Trần Thị L tại phiên đối chất ngày 29-12-2023. Do đó, chị cũng không có nghĩa vụ gì đối với khoản nợ của chị Hoàng Thị H đối với chị Trần Thị L.

Nay chị yêu cầu chị Trần Thị L phải thanh toán cho chị 150.000.000 đồng nợ gốc, nợ lãi tính từ ngày 20-10-2020 đến ngày 28-02-2024 với mức lãi suất 10%/năm. Xác nhận chị Trần Thị L đã thanh toán tiền lãi cho chị từ ngày 19-6-2020 đến ngày 19-10-2020 số tiền là 29.400.000 đồng.

Tại bản khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Năm 2020 chị có vay của chị Hoàng Thị L 350.000.000 đồng. Thực chất là chị đứng ra nhận nợ thay cho công ty Phú L Phú T, hiện công ty đã giải thể từ năm 2021. Do chị có quen biết với chị gái của mẹ anh Tô Mạnh H là giám đốc công ty Phú L Phú T nên được biết công ty thời điểm đó đang huy động vốn. Vì vậy, chị đã giới thiệu chị Hoàng Thị L cho công ty Phú L Phú T vay tiền. Chị Hoàng Thị L nói chị ấy không quen biết gì công ty Phú L Phú T nên yêu cầu chị Trần Thị L đứng ra nhận nợ nên chị đồng ý. Chị đã ký giấy vay tiền với chị Hoàng Thị L với nội dung chị vay chị Hoàng Thị L 350.000.000 đồng, thời hạn vay 90 ngày, kể từ ngày 19-6-2020, lãi suất theo thỏa thuận, thời điểm trả lãi vào ngày 19 hàng tháng, trả gốc vào

ngày 19-9-2020. Trong giấy vay tiền ghi lãi theo thỏa thuận, nhưng trên thực tế chị Hoàng Thị L tính lãi khoản vay là 2.000 đồng/triệu/ngày. Thực tế, chị ký giấy vay chị Hoàng Thị L số tiền 350.000.000 đồng, nhưng chị chỉ nhận từ chị Hoàng Thị L 250.000.000 đồng tiền mặt, còn 100.000.000 đồng chị Hoàng Thị L đưa cho anh Tô Mạnh H, giám đốc công ty Phú L Phú T (đưa vào cùng ngày 19-6-2020). Sau khi chị nhận 250.000.000 đồng từ chị Hoàng Thị L thì chị gọi vợ chồng anh Tô Mạnh H và chị Nguyễn Thị Thu H đến nhà chị và giao cho anh Tô Mạnh H, chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 250.000.000 đồng, viết giấy vay tiền với nội dung chị cho anh Tô Mạnh H vay 350.000.000 đồng (bao gồm cả 100.000.000 đồng và chị Hoàng Thị L chuyển cho chị Nguyễn Thị Thu H và 250.000.000 đồng chị đưa cho anh Tô Mạnh H). Giấy vay tiền không có thỏa thuận về lãi nhưng thỏa thuận bên ngoài là chị Hoàng Thị L tính lãi khoản vay chị nhận nợ với chị Hoàng Thị L bao nhiêu thì công ty trả lãi cho chị bấy nhiêu.

Thực chất khoản vay 350.000.000 đồng là chị đứng ra nhận nợ thay cho anh Tô Mạnh H nên việc trả nợ gốc và lãi do công ty Phú L Phú T thực hiện, có lần thì công ty chuyển thẳng cho chị Hoàng Thị L, có lần thì công ty chuyển tiền cho chị để chị trả chị Hoàng Thị L.

Đến nay, khoản vay của chị Hoàng Thị L chị đã trả được 300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi 30.000.000 đồng. Các lần trả nợ thì các bên đều tự theo dõi trên sổ sách của nhau chứ không có ký xác nhận. Chị xác định mặc dù chị đứng tên nhận nợ thay công ty Phú L Phú T nhưng giấy vay tiền với chị Hoàng Thị L do chị ký nên chị sẽ có trách nhiệm trả nợ cho chị Hoàng Thị L, số tiền nợ gốc còn lại là 50.000.000 đồng, nợ lãi thì chị Hoàng Thị L đã nói với chị là không tính nên chị sẽ không trả nợ lãi nữa. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định, nhất trí đối với phần trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn tiền lãi đến ngày 19-10-2020, tổng số tiền là 29.400.000 đồng và không có tranh chấp gì khoản tiền lãi đã trả với nguyên đơn, kể cả trong trường hợp lãi suất vượt quá 20%/năm.

Đối với khoản vay của chị Hoàng Thị H, ban đầu chị và chị Hoàng Thị H không có quan hệ gì. Chị là bạn thân của chị Hoàng Thị L, chị Hoàng Thị L là em gái họ của chị Hoàng Thị H. Năm 2014 chị Hoàng Thị L giới thiệu chị Hoàng Thị H đến vay tiền của chị. Chị Hoàng Thị L là người đứng ra bảo lãnh cho khoản vay của chị Hoàng Thị H, chị Hoàng Thị L nói với chị nếu chị Hoàng Thị H không trả được nợ thì chị Hoàng Thị L sẽ trả thay chị Hoàng Thị H. Do tin tưởng chị Hoàng Thị L nên chị mới đồng ý cho chị Hoàng Thị H vay tiền. Chị xác định chị Hoàng Thị H còn nợ chị tổng số tiền 150.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là 90.000.000 đồng, nợ lãi là 60.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị L yêu cầu chị Hoàng Thị L trả nợ cho chị thay cho chị Hoàng Thị H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24-01-2024 và tại phiên tòa, chị Trần Thị L và người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị L thay đổi ý kiến, không yêu cầu chị Hoàng Thị H phải trả nợ cho chị Hoàng Thị L thay chị Trần Thị L. Chị Trần Thị L xác định chị không có yêu cầu phản tố nào trong vụ án này.

Người làm chứng anh Chu Văn S trình bày: Anh là chồng của chị Trần Thị L, địa chỉ: Số 3, đường Lê Hồng P, phường Tam T, thành phố Lạng S, tỉnh Lạng

Son. Anh kết hôn với chị Trần Thị L năm 1990 và chung sống với chị L cho đến nay. Việc chị Trần Thị L vay tiền chị Hoàng Thị L, cũng như việc chị Trần Thị L cho công ty Phú L Phú Tvà chị Hoàng Thị H vay tiền như thế nào anh cũng không biết. Anh có biết chị Hoàng Thị L từ rất lâu rồi, vì chị Lê là bạn của chị L, thỉnh thoảng chị Lê có đến nhà anh chơi. Còn công ty Phú L Phú Tvà bà Hoàng Thị H thì anh không quen biết gì. Anh không có mâu thuẫn gì với những người này.

Cách đây mấy năm, anh không nhớ rõ thời gian, khi anh đi làm về thì gặp chị Hoàng Thị L đang ngồi ở nhà anh cùng với vợ anh là chị Trần Thị L. A không biết chị Lê và chị L bàn bạc, trao đổi với nhau những gì, anh chỉ thấy chị L là vợ anh gọi anh vào ký giấy tờ. Anh cũng không hỏi lại vợ anh là ký văn bản gì. Theo lời chị L nói, anh đã ký tại 01 tờ giấy A4, trên đó đã có nội dung, nhưng anh không nhớ nội dung văn bản vì anh cũng không đọc văn bản. Anh chỉ được ký 01 tờ giấy, rồi anh đi có việc luôn. Anh không được chứng kiến việc chị Lê giao tiền cho chị L. Sau đó, anh cũng không hỏi lại chị L giấy tờ mà chị L bảo anh ký là giấy gì. Gần đây anh nhận được giấy triệu tập của Tòa án nên anh hỏi thì vợ anh mới cho anh biết năm 2020 vợ anh vay tiền của chị Hoàng Thị L và tờ giấy mà anh ký hôm đó là giấy vay tiền. Anh cũng chỉ biết vậy, không biết cụ thể số tiền vợ anh vay là bao nhiêu, lãi suất, thời hạn trả nợ như thế nào? Anh cũng không biết vợ anh đã thanh toán được bao nhiêu tiền, số tiền còn nợ là bao nhiêu anh cũng không rõ. Tiền chị Trần Thị L vay là để chị ấy kinh doanh riêng, không dùng cho chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, không liên quan đến bố, con anh. Vì vậy, anh không có nghĩa vụ gì đối với khoản vay của chị Trần Thị L đối với chị Hoàng Thị L.

Người làm chứng chị Hoàng Thị H trình bày: Chị là chị họ xa với chị Hoàng Thị L, còn đối với chị Trần Thị L thì trước đây chị không có quan hệ gì. Chị không có mâu thuẫn gì với những người này. Năm 2013 chị có nhu cầu vay tiền để đầu tư làm ăn, qua chị Hoàng Thị L giới thiệu nên chị biết chị Trần Thị L có tiền cho vay. Chị Hoàng Thị L cho chị số điện thoại của chị Trần Thị L để chị tự liên hệ. Giữa chị và chị Trần Thị L có quan hệ vay mượn từ đó (năm 2013). Việc chị Hoàng Thị L và chị Trần Thị L có quan hệ bạn bè, chơi với nhau như thế nào thì chị không biết. Chị cũng không biết việc vay mượn giữa chị Hoàng Thị L và chị Trần Thị L. Về việc vay mượn giữa chị và chị Trần Thị L diễn ra như sau:

Năm 2013 chị gọi điện cho chị Trần Thị L, chị Trần Thị L nói với chị là lúc nào chị cần thì chị gọi em. Sau đó chị gọi điện cho chị Trần Thị L thì chị Trần Thị L bảo chị đến nhà chị Trần Thị L. Tại đây chị Trần Thị L đã cho chị vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 3.000.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thời hạn trả nợ là 01 năm. Cũng trong năm 2013 chị vay chị Trần Thị L vài lần nữa, tổng số tiền gốc là 60.000.000 đồng, còn tiền lãi thì hàng tháng chị đều mang đến nhà chị Trần Thị L trả, việc trả lãi hai bên chỉ tự theo dõi với nhau, không ký giấy tờ gì.

Đến năm 2014 do làm ăn thua lỗ nên chị không trả được nợ lãi cho chị Trần Thị L nữa. Số nợ gốc và lãi đến giữa năm 2014 chị Trần Thị L chốt cho chị

là 90.000.000 đồng cả gốc và lãi. Chị và chị Trần Thị L ký nhận nợ số tiền trên vào sổ của chị Trần Thị L. Từ năm 2014 đến năm 2018 chị đi làm ăn xa ở miền Nam, không trả được nợ cho chị Trần Thị L. Năm 2018 khi chị về Lạng Sơn, chị Trần Thị L đến tìm chị yêu cầu chị trả nợ. Hàng năm chị Trần Thị L đều yêu cầu chị viết giấy nhận nợ, lần gần nhất chị viết giấy nhận nợ với chị Trần Thị L là năm 2022, tổng số tiền nợ gốc và lãi là 150.000.000 đồng, trong đó gốc là 90.000.000 đồng, lãi là 60.000.000 đồng.

Nay chị xác định số tiền chị còn nợ chị Trần Thị L là 90.000.000 đồng nợ gốc và 60.000.000 đồng nợ lãi. Việc chị Hoàng Thị L và chị Trần Thị L cho nhau vay tiền chị không biết, không tham gia. Việc chị vay tiền chị Trần Thị L thì chị Hoàng Thị L cũng không biết, không tham gia. Không hề có chuyện chị Hoàng Thị L đứng ra bảo lãnh cho khoản vay của chị. Trường hợp chị Trần Thị L chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của chị Trần Thị L cho chị Hoàng Thị L sang chị thì chị không nhất trí. Chị chỉ biết chị vay chị Trần Thị L thì chị chỉ trả chị Trần Thị L, chị không đồng ý trả cho chị Hoàng Thị L. Chị cũng không nhất trí để chị Hoàng Thị L trả nợ chị Trần Thị L thay chị vì chị Hoàng Thị L không liên quan gì đến khoản vay giữa chị và chị Trần Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ, hợp pháp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Ngày 19-6-2020, chị Trần Thị L đã ký giấy vay tiền, vay của chị Hoàng Thị L số tiền 350.000.000 đồng, giấy vay tiền tiền có chữ ký của cả hai bên và người làm chứng. Nội dung các giấy vay tiền ghi số tiền vay, có thỏa thuận lãi suất nhưng không thể hiện lãi suất vụ thể trên giấy vay tiền và thời hạn vay là 90 ngày. Các bên đều thừa nhận chữ viết và chữ ký tại các giấy này. Quá trình vay tiền, từ ngày 19-6-2020 đến ngày 19-10-2020, chị Trần Thị L trả được tiền lãi cho chị Hoàng Thị L với tổng số tiền 29.400.000 đồng, lần cuối chị Trần Thị L trả nợ lãi là ngày 19-6-2020. Khi trả tiền lãi, các bên tự theo dõi, không ký xác nhận với nhau. Khi bà L trả tiền thì chị Hoàng Thị L ghi vào mặt sau của giấy vay tiền. Số tiền gốc chị Trần Thị L đã trả là 200.000.000 đồng, trả vào các ngày 10-02-2021, 07-5-2021, 07-7-2021, 10-12-2021. Hiện nay còn nợ 150.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 20-10-2020 với mức lãi suất 10%/năm. Chị Trần Thị L cho rằng đã trả đã thanh toán tổng số nợ gốc là 300.000.000 đồng vào các ngày 10-02-2021, 07-5-2021, 07-7-2021, 10-12-2021, 06-4-2021, 18-9-2021 nhưng không có tài liệu chứng

minh. Đối với số nợ gốc đã trả lời khai của chị Trần Thị L khớp với chị Hoàng Thị L về các lần trả tiền gốc các ngày 10-02-2021, 07-5-2021, 07-7-2021, 10-12-2021 và tiền lãi 29.400.000 đồng có cơ sở khẳng định giữa 2 người có việc vay nợ 350.000.000 đồng và đã trả một phần tiền gốc và tiền lãi như trên. Chị Trần Thị L thừa nhận khi viết giấy vay tiền tinh thần chị hoàn toàn minh mẫn, trên sơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Do đó, xác định số tiền gốc thực tế chị Trần Thị L còn nợ chị Hoàng Thị L là 150.000.000 đồng là phù hợp với tài liệu chứng cứ chị Hoàng Thị L cung cấp.

Đối với yêu cầu về lãi, giấy vay tiền ngày 19-6-2020 không có thỏa thuận cụ thể việc trả lãi. Đối với mức lãi suất theo thỏa thuận ban đầu mà nguyên đơn trình bày là 700đ/triệu/ngày tương đương 25,55%/năm và theo bị đơn trình bày là 2000đ/triệu/ngày tương đương 73%/năm. Mức lãi suất trên là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất việc bị đơn đã trả tổng số tiền lãi cho nguyên đơn là 29.400.000 đồng, các bên không thắc mắc gì số tiền này. Xét thấy với mức lãi suất trên cao hơn quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, căn cứ Điều 9 Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Do các bên không thống nhất về mức lãi suất quy định nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, mức lãi suất được tính sẽ là 10% kể từ ngày 19-6-2020 đến ngày xét xử.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 436, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn, chị Trần Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hoàng Thị L số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng; nợ lãi tương ứng với lãi suất 10%/tháng theo số dư nợ gốc thực tế tính từ ngày 19-6-2020 đến ngày 28-02-2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 75.712.000 đồng. Do bị đơn đã trả được nguyên đơn số tiền 29.400.000 đồng. Do vậy bị đơn phải tiếp tục trả nguyên đơn số tiền 46.312.000 đồng. Kể từ ngày 29-02-2024 nếu bà Trần Thị L không trả gốc, lãi theo như trên thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch định theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngày 19-6-2020 chị Trần Thị L ký giấy vay tiền, vay của chị Hoàng Thị L, số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 90 ngày kể từ ngày 19-6-2020, lãi suất theo thỏa thuận. Do chị Trần Thị L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chị Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị L phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định. Tranh chấp phát sinh giữa các đương sự xuất phát từ hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền). Vì vậy xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Hoàng Thị L bị đơn chị Trần Thị L và những người làm chứng anh Chu Văn S và chị Hoàng Thị H. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có mặt, những người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt những người trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối những người trên.

[3] Về thay đổi tư cách tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị L trình bày, do chị Hoàng Thị L đứng ra bảo lãnh cho khoản vay của chị Hoàng Thị H, vì vậy, chị Trần Thị L yêu cầu chị Hoàng Thị L trả nợ cho chị thay chị Hoàng Thị H. Vì vậy, Tòa án đã xác định chị Hoàng Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, sau đó chị Trần Thị L thay đổi ý kiến, không yêu cầu giải quyết khoản vay của chị Hoàng Thị H trong vụ án này. Do đó, chị Hoàng Thị H không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà xác định là người làm chứng trong vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Theo Giấy vay tiền ngày 19-6-2020 có nội dung chị Hoàng Thị L cho chị Trần Thị L vay số tiền là 350.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn vay 90 ngày kể từ ngày 19-6-2020, văn bản thỏa thuận có chữ ký của chị Trần Thị L và anh Chu Văn S là chồng chị Trần Thị L (anh Chu Văn S ký với tư cách là người làm chứng). Vì vậy việc chị Hoàng Thị L cho chị Trần Thị L vay tiền là có căn cứ, chị Trần Thị L cũng thừa nhận nội dung này. Hợp đồng (Giấy vay tiền) được ký kết bởi các chủ thể đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, có nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của các Điều 116, 117, 398, 463 Bộ luật Dân sự nên các bên có nghĩa vụ thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị L cho rằng chị chỉ đứng ra nhận nợ thay cho công ty Phú L Phú T. Nhưng ngoài lời trình bày của bản thân thì chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Mặt khác, tại phiên đối chất và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn đều khẳng định, chị Trần Thị L là người ký giấy vay tiền với chị Hoàng Thị L nên chị Trần Thị L sẽ chịu trách nhiệm trả món vay 350.000.000 đồng cho chị Hoàng Thị L.

[5] Về việc trả nợ gốc: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất với nhau về việc chị Trần Thị L đã thanh toán được cho chị Hoàng Thị L 04 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng vào các ngày 10-02-2021; 07-5-2021; 07-7-2021 và 10-12-2021. Ngoài 04 lần trên, bị đơn chị Trần Thị L trình bày, chị còn thanh toán cho chị Hoàng Thị L thêm 100.000.000 đồng qua 02 lần vào các ngày 06-4-2021 và ngày 18-9-2021. Việc thanh toán chỉ là các bên tự theo dõi, tự ghi vào sổ sách, giấy vay nợ mà mỗi bên giữ, không ký xác nhận với nhau, không có tài liệu gì khác chứng minh. Nguyên đơn, chị Hoàng Thị L không thừa nhận việc chị Trần Thị L đã thanh toán thêm cho chị 100.000.000 đồng, ngoài số tiền 200.000.000 đồng mà chị Trần Thị L đã thanh toán trước đó. Ngoài lời trình bày của bản thân, chị Trần Thị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do đó, không có căn cứ xác định số tổng nợ gốc mà chị Trần Thị L đã thanh toán cho chị Hoàng Thị L là 300.000.000 đồng. Xác định số nợ gốc mà chị Trần Thị L đã thanh toán cho chị Hoàng Thị L là 200.000.000 đồng, số nợ gốc còn lại là

150.000.000 đồng, chị Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hoàng Thị L theo quy định.

[6] Đối với lãi suất của khoản vay, theo bản khai và tại phiên hòa giải chị Trần Thị L trình bày, giấy vay tiền ghi lãi theo thỏa thuận, nhưng trên thực tế chị Hoàng Thị L tính lãi khoản vay là 2.000 đồng/triệu/ngày và chị Trần Thị L đã trả được 30.000.000 đồng tiền lãi, nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tại đơn khởi kiện, chị Hoàng Thị L yêu cầu nợ lãi được tính từ ngày 01-11-2020 với mức lãi suất 700đồng/1.000.000đồng/ngày. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn thay đổi cách tính lãi, yêu cầu chị Trần Thị L phải trả lãi từ ngày 01-11-2020 đến ngày 31-12-2023 với mức lãi suất 10%/năm. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 20-10-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 28-02-2024 với mức lãi suất 10%/năm, còn số lãi chị Trần Thị L đã thanh toán từ ngày 19-6-2020 đến ngày 19-10-2020 là 29.400.000 đồng thì nguyên đơn không yêu cầu xem xét. Đây là việc thay đổi mốc thời gian và cách tính lãi, không phải là yêu cầu mới phát sinh.

[7] Về việc trả lãi: Mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu tính tại phiên tòa (10%/năm) là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn. Bởi lẽ, trong hợp đồng không xác định rõ lãi suất và hai bên không thống nhất được về mức lãi của khoản vay. Tại phiên tòa bị đơn không tranh chấp với nguyên đơn về số tiền lãi đã trả (29.400.000 đồng) nhưng không thừa nhận lãi suất của khoản vay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 (tức 50% của 20%/năm, tương ứng 10%/năm). Về thời điểm tính lãi, đối với số tiền 29.400.000 đồng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 19-6-2020 đến ngày 19-10-2020, mức lãi suất này vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, đối với nội dung các đương sự thống nhất tại phiên tòa về việc bị đơn đã trả tổng số tiền lãi cho nguyên đơn là 29.400.000 đồng từ ngày 19-6-2020 đến ngày 19-6-2020, các bên không thắc mắc gì số tiền này. Nội dung này Hội đồng xét xử không ghi nhận, bởi lẽ số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn là vượt quá quy định của pháp luật. Xác định thời điểm tính lãi từ ngày 19-6-2020, được trừ đi số tiền lãi bị đơn đã thanh toán là 29.400.000 đồng.

[8] Chị Trần Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán nợ lãi cho chị Hoàng Thị L từ ngày 19-6-2020, với mức lãi suất 10%/năm, tính trên số nợ gốc của từng thời kỳ, cụ thể như sau:

[8.1] Từ ngày 19-6-2020 đến ngày 10-02-2021 lãi suất được tính: $350.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm = 22.630.137 \text{ đồng}$.

[8.2] Từ ngày 11-02-2021 đến ngày 07-5-2021: $300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm = 7.068.493 \text{ đồng}$.

[8.3] Từ ngày 08-5-2021 đến ngày 07-7-2021: $250.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm = 4.178.082 \text{ đồng}$.

[8.4] Từ ngày 08-7-2021 đến ngày 10-12-2021: $200.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm = 8.547.945 \text{ đồng}$.

[8.5] Từ ngày 11-12-2021 đến ngày 28-02-2024: 150.000.000 đồng x 10%/năm = 33.287.671 đồng.

[8.6] Tổng tiền lãi từ ngày 19-6-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 28-02-2024 là 75.712.000 đồng (làm tròn), được trừ đi 29.400.000 đồng bị đơn đã thanh toán. Số tiền lãi chị Trần Thị L còn phải thanh toán cho chị Hoàng Thị L là 46.312.000 đồng.

[9] Từ những phân tích trên thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là chị Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho chị Hoàng Thị L số nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 19-6-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-02-2024) là 46.312.000 đồng (làm tròn). Tổng số tiền gốc, lãi mà chị Trần Thị L phải thanh toán cho chị Hoàng Thị L là 196.312.000 đồng.

[10] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[11] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Trần Thị L phải chịu án phí trên số tiền 196.312.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể là 196.312.000 đồng x 5% = 9.816.000 đồng (làm tròn). Chị Hoàng Thị L không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị Hoàng Thị L 7.402.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000156 ngày 20-10-2023 quy định tại khoản 3 Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[13] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 144; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 116, 117, 398, 463, khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L. Buộc chị Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị L số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi từ ngày 20-10-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-02-2024) là 46.312.000 đồng (bốn mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn đồng). Tổng số tiền gốc, lãi mà chị Trần Thị L phải thanh toán cho chị Hoàng Thị L tính đến ngày 28-02-2024 là 196.312.000 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu ba trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí

Chị Trần Thị L phải chịu 9.816.000 đồng (chín triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hoàng Thị L không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị Hoàng Thị L 7.402.000 đồng (bảy triệu bốn trăm linh hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000156 ngày 20-10-2023.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Thị Nhàn